



Tín dụng

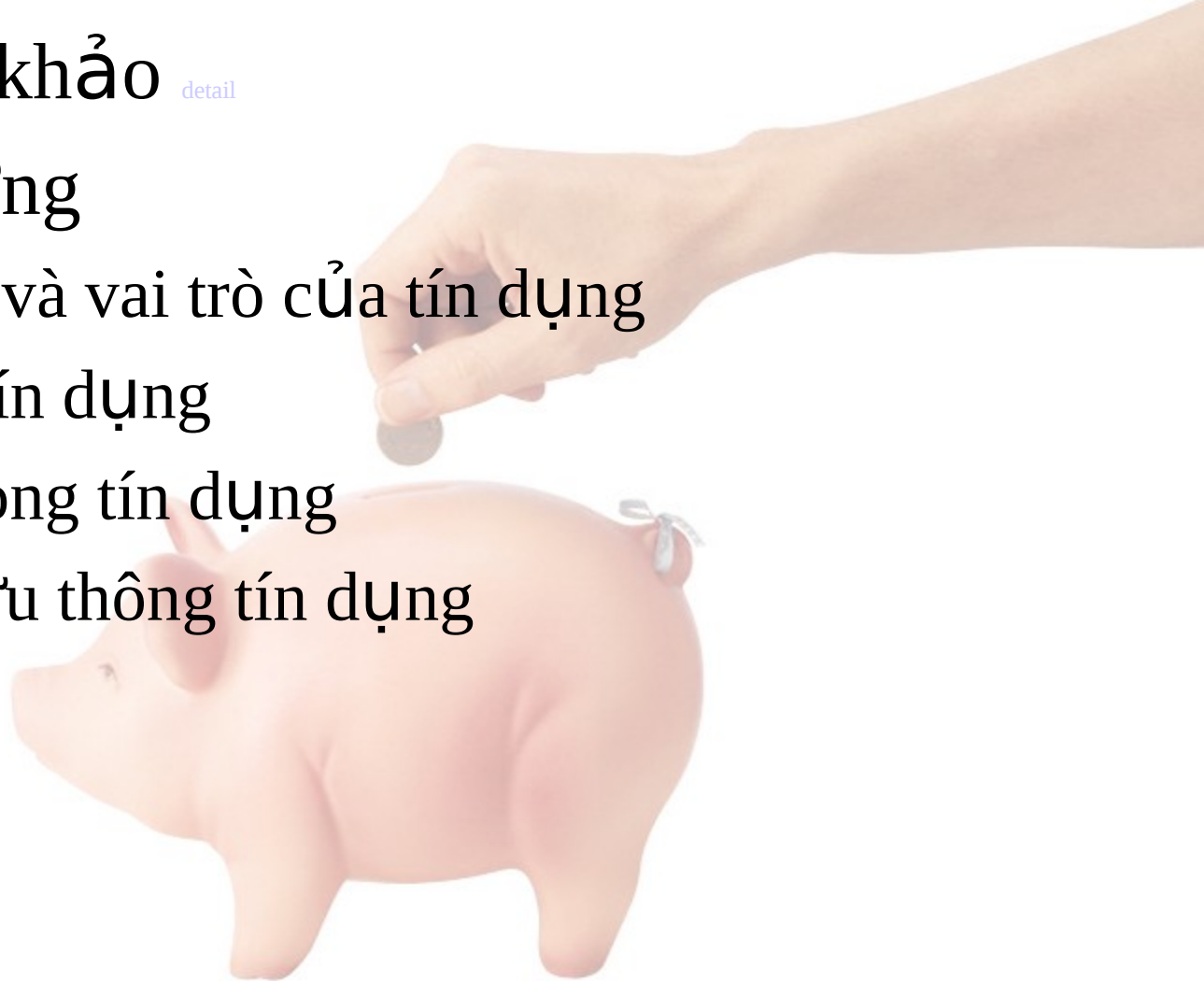
Tài liệu giảng dạy, tham khảo

Giới thiệu chương

Tài liệu tham khảo [detail](#)

Kết cấu chương

- ✓ Khái niệm và vai trò của tín dụng
- ✓ Phân loại tín dụng
- ✓ Lãi suất trong tín dụng
- ✓ Công cụ lưu thông tín dụng



I. Khái niệm và vai trò của tín dụng

1. Định nghĩa tín dụng detail

2. Vai trò của tín dụng

1. Tăng cường tính linh hoạt của nền kinh tế detail
2. Tiết kiệm chi phí lưu thông và tăng tốc độ chu chuyển vốn detail
3. Vai trò khác detail



II. Phân loại tín dụng

1. Căn cứ vào thời hạn tín dụng detail
2. Căn cứ vào chủ thể cấp tín dụng detail
3. Căn cứ vào mục đích cấp tín dụng detail
4. Căn cứ vào đối tượng cấp tín dụng detail
5. Căn cứ khả năng bao tín dụng detail
6. Căn cứ vào phạm vi tín dụng

III. Lãi suất trong tín dụng

1. Nguồn hình thành nên vốn tín dụng detail
2. Các loại hình cấp tín dụng detail
3. Tiền lãi và lãi suất detail
4. Thời hạn tín dụng detail



IV. Các công cụ lưu thông tín dụng

1. Trong tín dụng thương mại [detail](#)
2. Trong tín dụng ngân hàng [detail](#)



Hết chương III



Thuật ngữ cần chú ý

- Tín dụng
 - Không kỳ hạn
 - Ngắn hạn
 - Trung hạn
 - Dài hạn
 - Thương mại
 - Ngân hàng
 - Nhà nước
 - Tiêu dùng
 - Thuê mua
 - Factoring/Forfaiting
- Lãi suất
 - Đi vay/Cho vay
 - Đơn/Ghép
 - Danh nghĩa/Thực tế
 - Cơ bản/Liên ngân hàng
- Thời hạn tín dụng
 - Chung
 - Trung bình

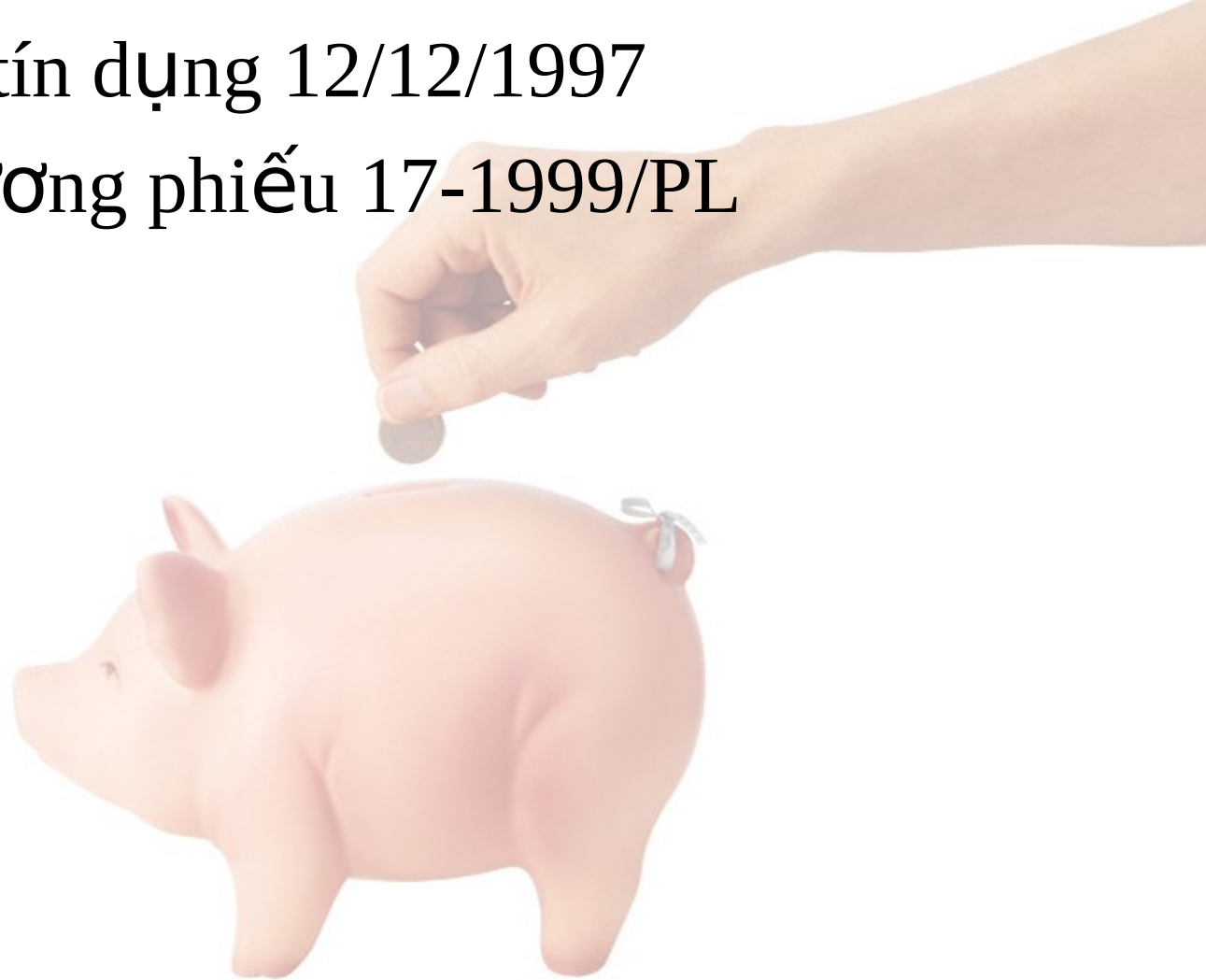
Thuật ngữ (cont'd)

- Phương tiện lưu thông
 - Hối phiếu
 - Lệnh phiếu
 - Séc
 - Thư tín dụng
 - Thẻ tín dụng
 - Chứng chỉ tiền gửi
- Tín dụng thương mại
- Tín dụng ngân hàng

Tài liệu tham khảo

Luật tổ chức tín dụng 12/12/1997

Pháp lệnh thương phiếu 17-1999/PL



Định nghĩa tín dụng

“Tín dụng là một hệ thống các quan hệ phân phối theo nguyên tắc có hoàn trả giữa người đang tạm thời thừa vốn sang người tạm thời thiếu vốn và ngược lại”

- ✓ Tín dụng thường kèm theo một khoản lãi
- ✓ Căn cứ quan trọng nhất của tín dụng là sự tin tưởng
- ✓ Có 3 giai đoạn trong quá trình thực hiện tín dụng
- ✓ Việc hoàn trả trong tín dụng là vô điều kiện

Tăng cường tính linh hoạt

Tín dụng tập trung vốn, do đó làm tăng khả năng huy động vốn khi cần thiết

Tín dụng phá bỏ các giới hạn về khả năng vốn cá nhân



Tiết kiệm chi phí lưu thông

Tín dụng không dùng tới tiền mặt nên hạn chế được các chi phí khi dùng tiền mặt

Việc dịch chuyển các quỹ tiền dưới dạng chuyển khoản luôn thuận tiện, nhanh chóng và an toàn hơn so với vận chuyển tiền mặt



Các vai trò khác

Tín dụng hạn chế hiện tượng “nền kinh tế tiền mặt”

Tăng cường sự quản lý của Nhà nước đối với hoạt động tài chính



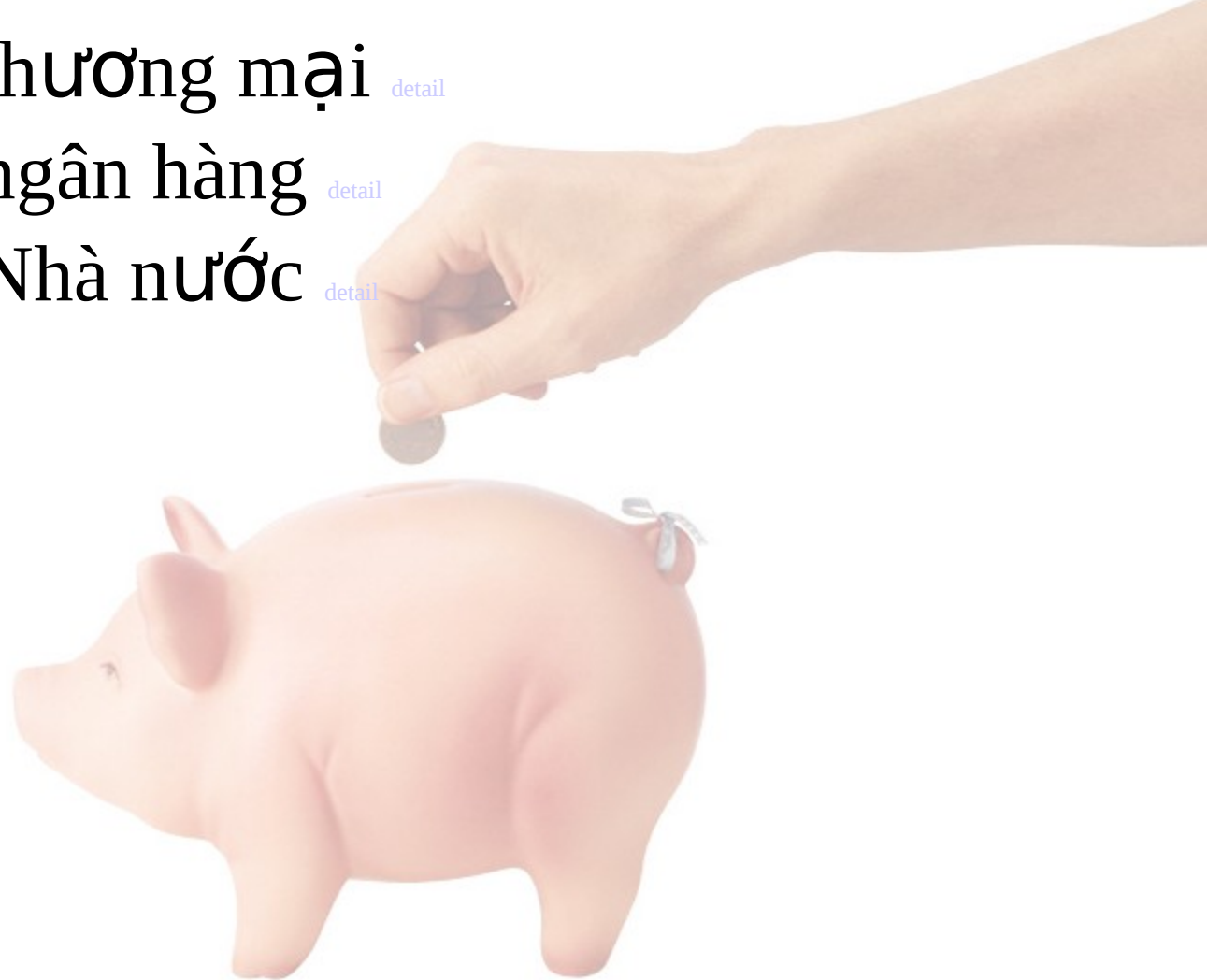
1. Căn cứ thời hạn tín dụng

- a. Tín dụng không kỳ hạn detail
- b. Tín dụng ngắn hạn detail
- c. Tín dụng trung hạn
- d. Tín dụng dài hạn



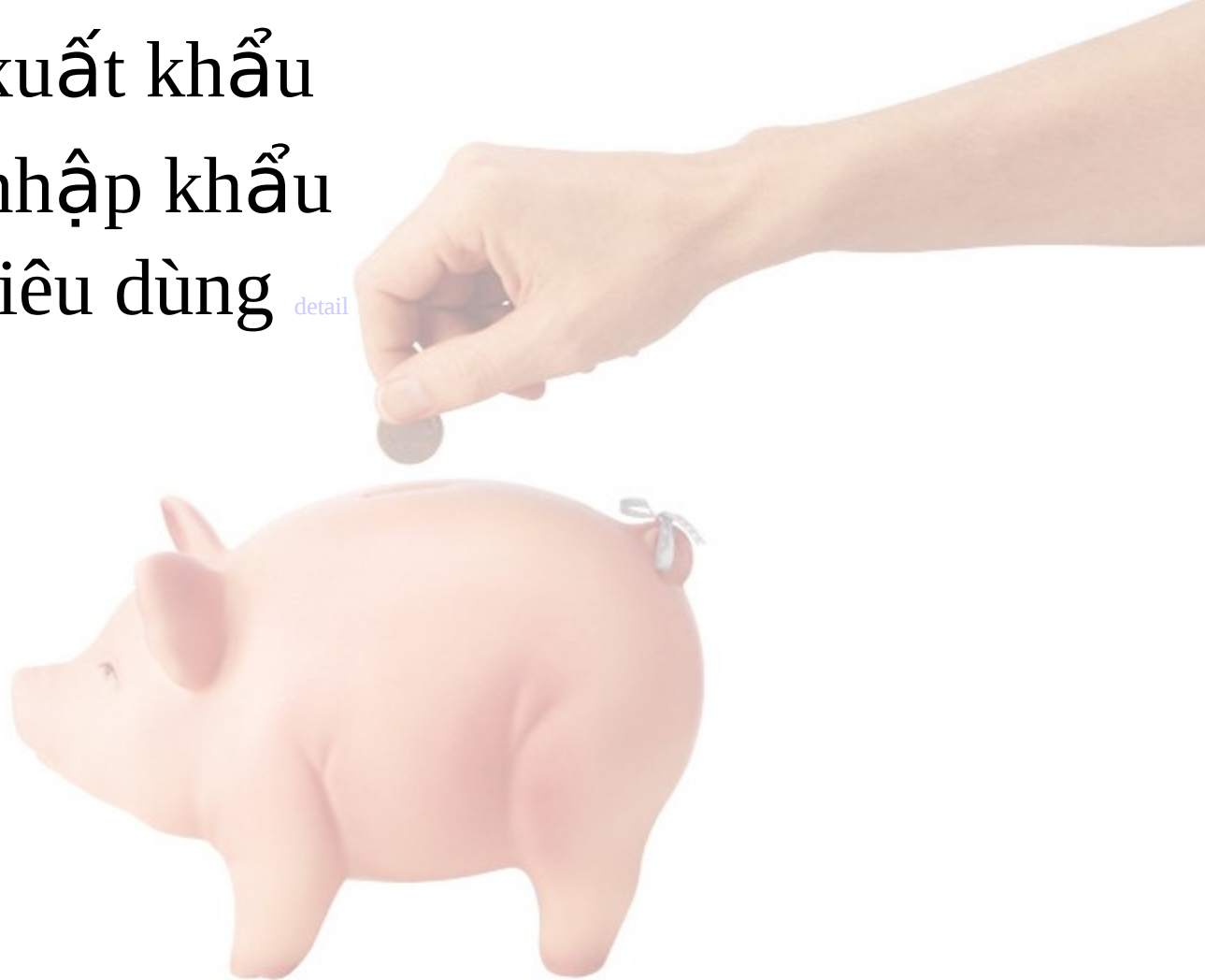
2. Căn cứ chủ thể tín dụng

- a. Tín dụng thương mại detail
- b. Tín dụng ngân hàng detail
- c. Tín dụng Nhà nước detail



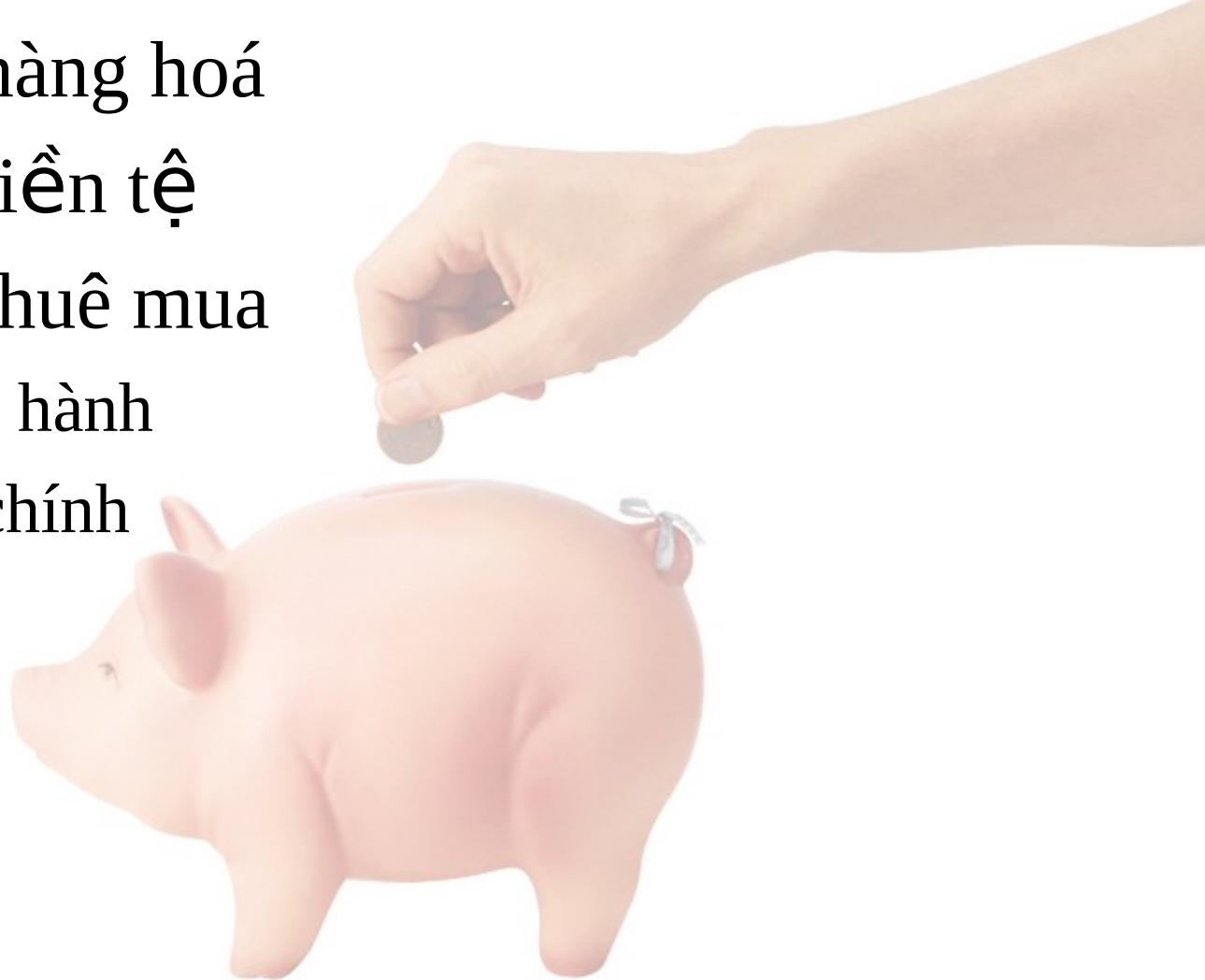
3. Căn cứ mục đích cấp tín dụng

- a. Tín dụng xuất khẩu
- b. Tín dụng nhập khẩu
- c. Tín dụng tiêu dùng detail



4. Căn cứ đối tượng cấp tín dụng

- a. Tín dụng hàng hoá
- b. Tín dụng tiền tệ
- c. Tín dụng thuê mua
 - ✓ Thuê vận hành
 - ✓ Thuê tài chính



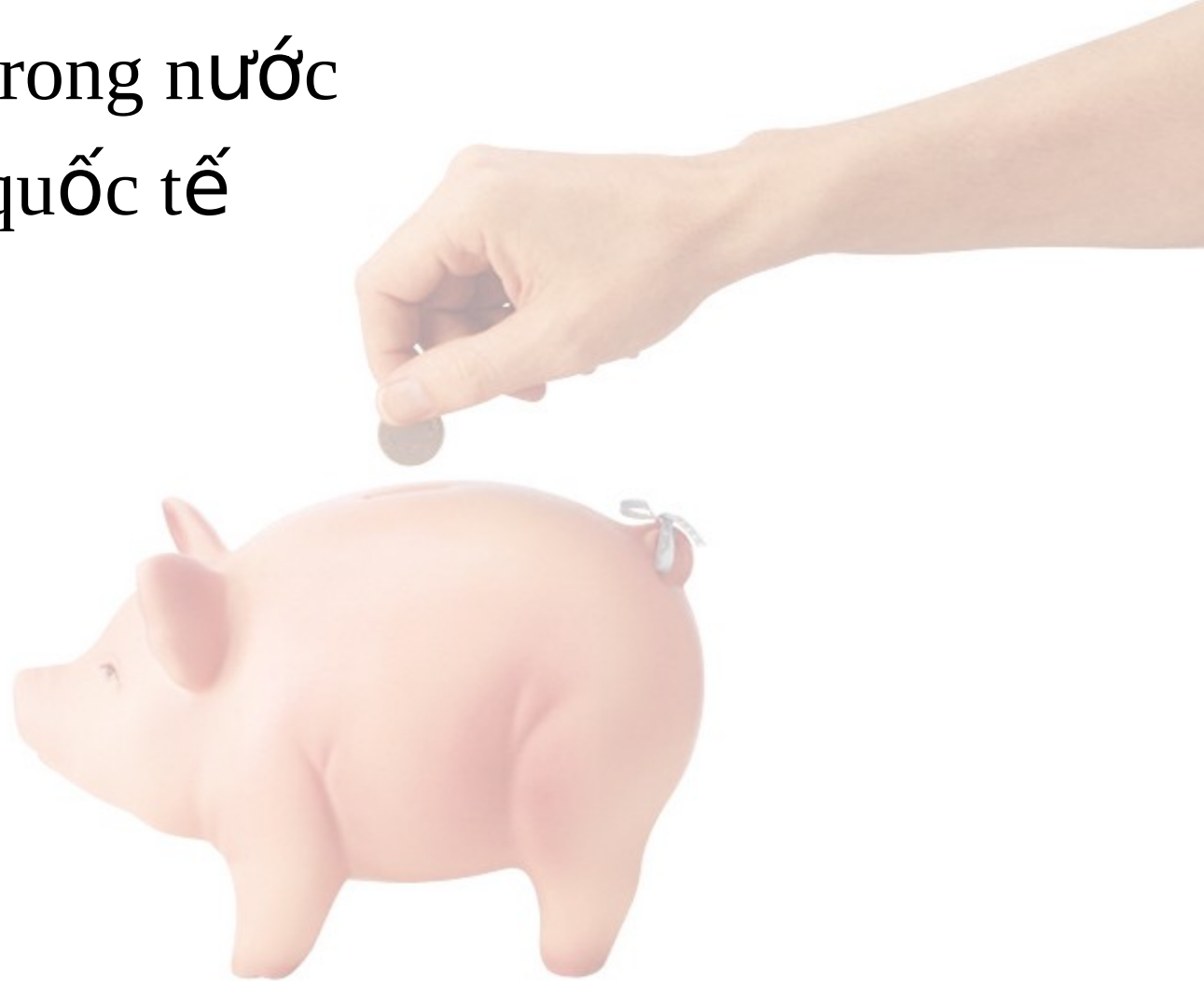
5. Căn cứ khả năng bảo tín dụng

- a. Tín dụng Factoring detail
- b. Tín dụng Forfaiting detail



6. Căn cứ phạm vi tín dụng

- a. Tín dụng trong nước
- b. Tín dụng quốc tế



Tín dụng không kỳ hạn

Tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn [detail](#)

Tín dụng gọi trả [detail](#)

Tín dụng thấu chi [detail](#)



Tín dụng ngắn hạn

Tín dụng overnight detail

Tín dụng T/N và S/N detail

Tín dụng ngắn hạn



1. Nguồn hình thành nên vốn tín dụng

- a. Nguồn khấu hao
- b. Nguồn nợ chưa đến hạn trả
- c. Nguồn lợi nhuận không chia tạm thời
- d. Các nguồn khác



2. Cách thức cấp tín dụng

- a. Cho vay
- b. Chiết khấu
- c. Cầm cố
- d. Bảo lãnh
- e. Cho thuê tài chính



3. Tiền lãi và lãi suất

- a. Các yếu tố tác động tới lãi suất detail
- b. Các loại lãi suất detail
- c. Tỷ suất lợi tức



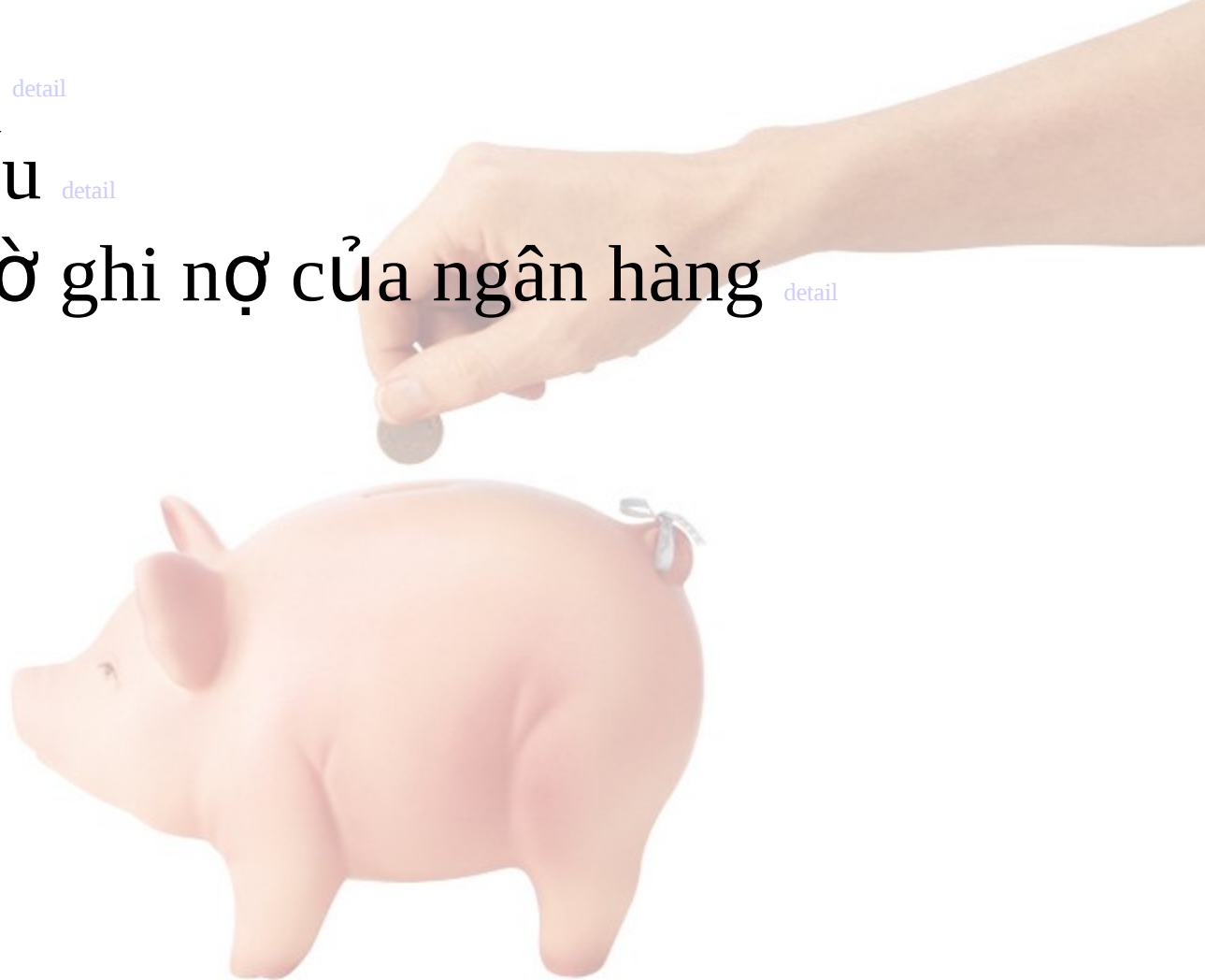
4. Thời hạn tín dụng

- a. Thời hạn tín dụng chung detail
- b. Thời hạn tín dụng trung bình detail



6. Các phương tiện lưu thông tín dụng

- a. Hối phiếu detail
- b. Lệnh phiếu detail
- c. Các giấy tờ ghi nợ của ngân hàng detail

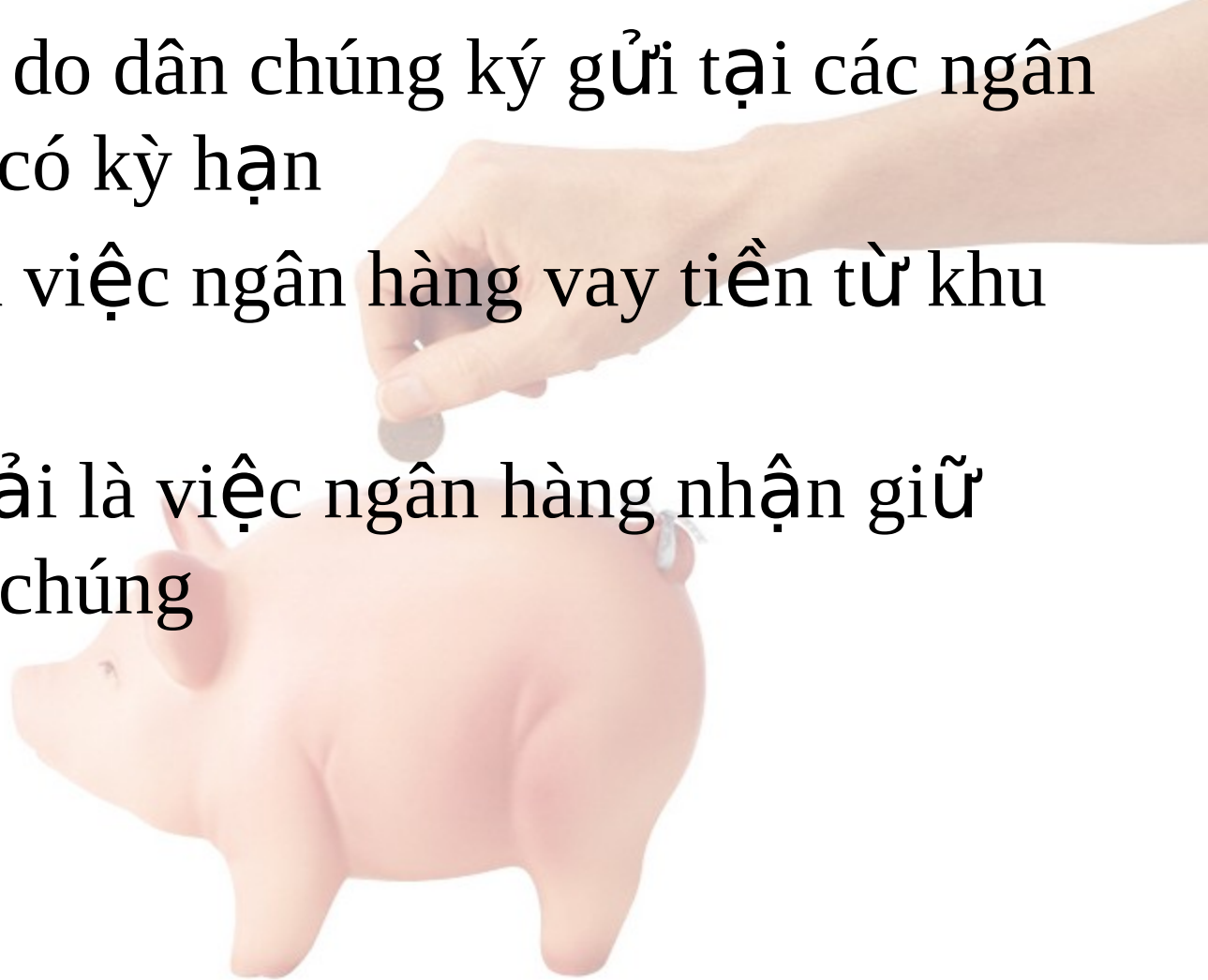


Tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn

Là lượng tiền do dân chúng ký gửi tại các ngân hàng không có kỳ hạn

Thực ra đây là việc ngân hàng vay tiền từ khu vực dân cư

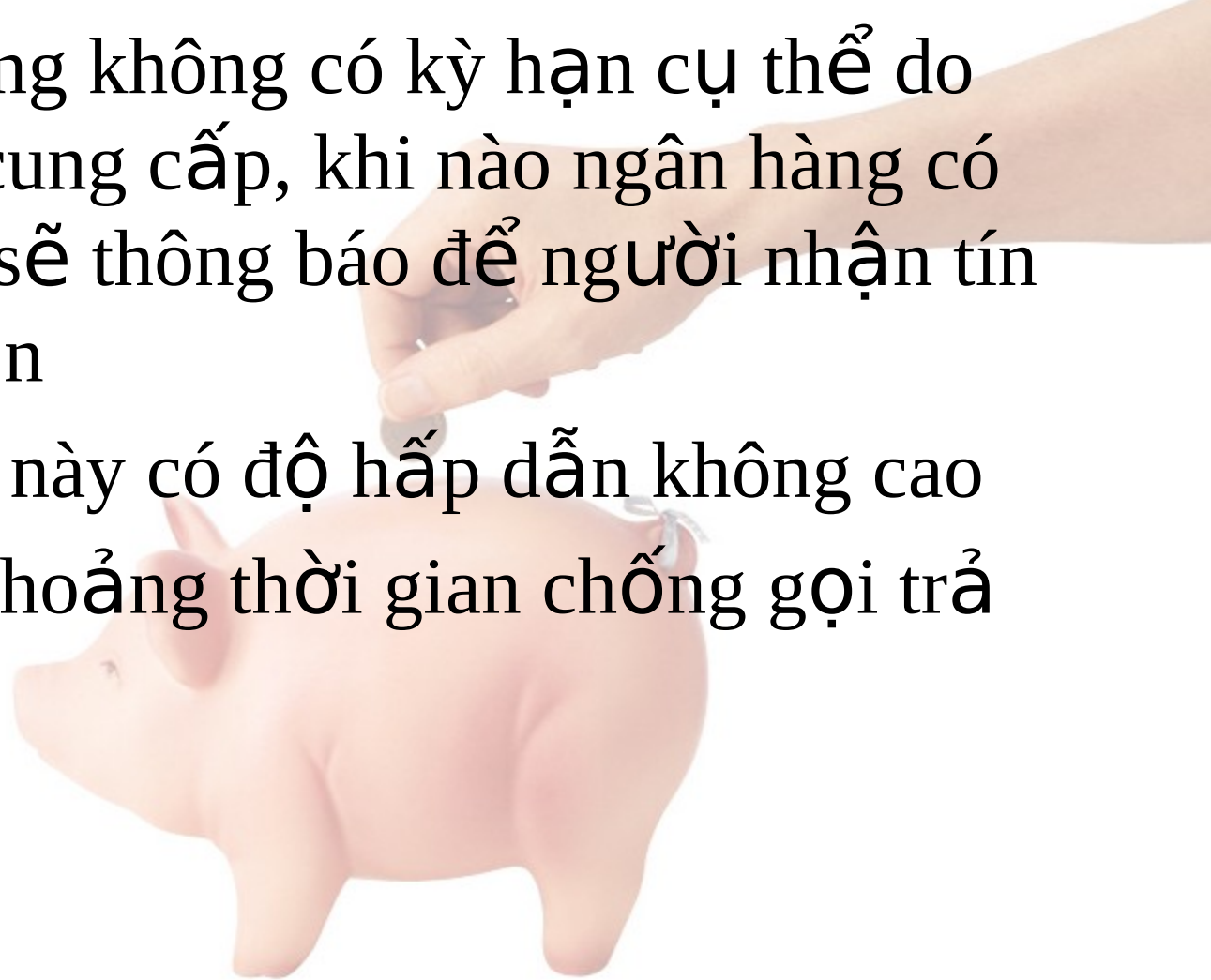
Đây không phải là việc ngân hàng nhận giữ tiền hộ dân chúng



Tín dụng gọi trả

Là loại tín dụng không có kỳ hạn cụ thể do Ngân hàng cung cấp, khi nào ngân hàng có nhu cầu thì sẽ thông báo để người nhận tín dụng trả tiền

Loại tín dụng này có độ hấp dẫn không cao
Phải có một khoảng thời gian chống gọi trả



Tín dụng thấu chi

Là loại tín dụng do ngân hàng cấp tự động cho các chủ tài khoản của ngân hàng đó khi tài khoản này tạm thời hết tiền.

Định mức thấu chi tối đa là khoảng 10% giá trị số dư tài khoản của năm trước.



Tín dụng Overnight

Là loại tín dụng có thời hạn rất ngắn, chỉ qua đêm đã phải hoàn trả.

Lý do ra đời của tín dụng O/N là sự chênh lệch múi giờ



Tín dụng T/N và S/N

Là tín dụng có thời hạn một ngày và hai ngày
Xuất phát từ chế độ nghỉ của các ngân hàng
trong ngày thứ bảy và chủ nhật

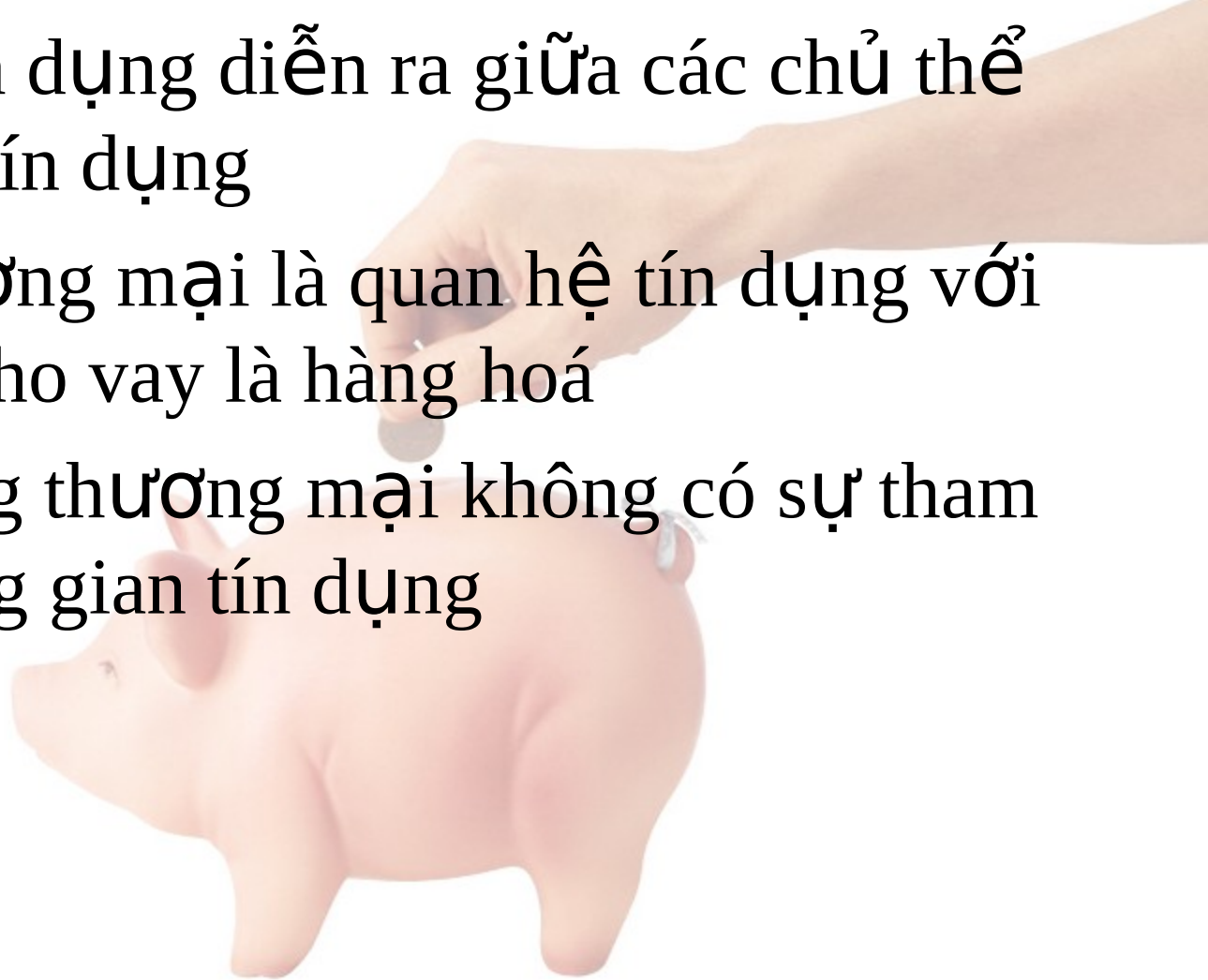


Tín dụng thương mại

Là quan hệ tín dụng diễn ra giữa các chủ thể kinh tế phi tín dụng

Tín dụng thương mại là quan hệ tín dụng với đối tượng cho vay là hàng hoá

Trong tín dụng thương mại không có sự tham gia của trung gian tín dụng



Tín dụng ngân hàng

Là các quan hệ tín dụng với sự tham gia của một bên là ngân hàng

Đối tượng cho vay trong tín dụng ngân hàng là tiền tệ



Tín dụng Nhà nước

Là các quan hệ tín dụng giữa Nhà nước và các chủ thể kinh tế khác

Tín dụng Nhà nước phục vụ cho các mục đích khác nhau của Nhà nước:

Huy động vốn trong thời kỳ thiếu vốn

Thực hiện các chính sách ưu đãi của Nhà nước

Tín dụng tiêu dùng

Là loại hình tín dụng nhằm mục đích phục vụ cho nhu cầu tiêu dùng của khu vực dân cư



Tín dụng Factoring

Công ty factoring sẽ chiết khấu các giấy tờ đòi nợ và sau đó thực hiện việc đòi các khoản nợ của các thương phiếu đó.

Số tiền chiết khấu có thể lên tới 80% giá trị thương phiếu

Sau khi đòi được tiền, hai bên sẽ thoả thuận việc thực hiện hợp đồng.

Tín dụng Forfaiting

Công ty forfaiting sẽ mua đứt toàn bộ các giấy tờ đòi nợ của người bán và sau đó gánh chịu toàn bộ các rủi ro đối với những giấy tờ đó.



Các yếu tố tác động tới lãi suất

Đồng tiền tính toán

Thời hạn tín dụng

Độ rủi ro tiềm ẩn



Các loại lãi suất

Theo nghiệp vụ của ngân hàng

Theo cách tính lãi

Theo giá trị thực tế của tiền lãi

Theo thời hạn tín dụng

Các căn cứ khác



Thời hạn tín dụng chung

Được đo lường bằng tổng thời gian của ba thời kỳ: cấp phát, ưu đãi và hoàn trả



Thời hạn tín dụng trung bình

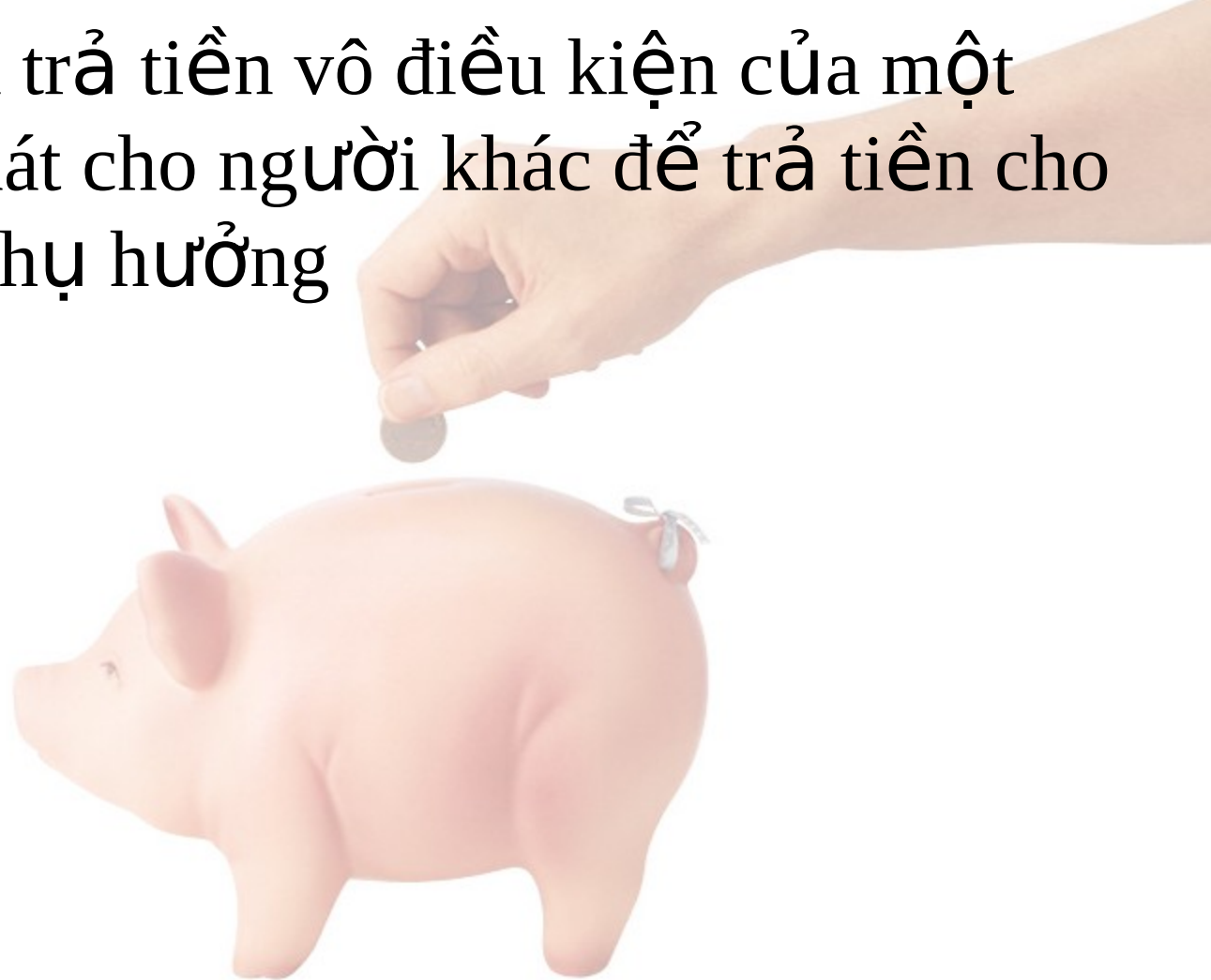
Thời hạn tín dụng trung bình là khoảng thời gian khi người đi vay **thực sự** được quyền sử dụng toàn bộ lượng vốn đi vay

Xác định bằng cách tính toán *tổng của từng thời hạn trung bình của mỗi thời kỳ trong cách tính thời hạn tín dụng chung.*



Hối phiếu

Là mệnh lệnh trả tiền vô điều kiện của một người ký phát cho người khác để trả tiền cho một người thụ hưởng



Lệnh phiếu

Là một cam kết trả tiền vô điều kiện do một người ký phát để hứa trả tiền cho một người thụ hưởng



Các giấy tờ của ngân hàng

Gồm có một số loại chứng từ nhất định:

Séc

Chứng chỉ tiền gửi

Thư tín dụng

Thẻ tín dụng



Tín dụng thương mại

- ✓ Trong tín dụng thương mại không có sự tồn tại của các trung gian tài chính
- ✓ Đối tượng cho vay trong tín dụng thương mại là hàng hoá và dịch vụ
- ✓ Thời hạn tín dụng thương mại là ngắn
- ✓ Quy mô và phương hướng của tín dụng thương mại cũng bị hạn chế, nó chỉ có thể diễn ra giữa các chủ thể kinh tế phi tín dụng có đặc điểm kinh doanh tương đồng với nhau.

Tín dụng ngân hàng

- ✓ Trong quan hệ tín dụng ngân hàng luôn có sự tham gia của một bên là trung gian tín dụng.
- ✓ Đối tượng cho vay trong tín dụng ngân hàng là tiền tệ
- ✓ Thời hạn của tín dụng ngân hàng mang tính linh hoạt rất cao
- ✓ Tín dụng ngân hàng cho phép thực hiện những nghiệp vụ như chiết khấu, thế chấp.